TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2018/DS -ST
Ngày: 28 - 3 - 2018
V/v: Tranh chấp HĐCNQSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội Đ1 xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tỉnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh
2. Bà Phùng Thị Khánh Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thảo – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2017/TLST- DS ngày 03 tháng 02 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp Đ1 chuyển nhượng QSD đất";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐST-DS ngày 22/01/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 22/01/2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Công Th1, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Bình An, xã Bình Châu, huyện X12, tỉnh BR-VT.

Ông Th1 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Văn A1, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 76 Ba Cu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo giấy ủy quyền lập ngày 07/3/2017. (ông Anh có mặt)

2. ***Bị đơn***: Ông Lê Hữu Đ1, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bưng Riềng, huyện X12, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L1, sinh năm: 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, ấp Bình An, xã Bình Châu, huyện X12, tỉnh BR-VT.

Bà L1 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Văn A1, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 76 Ba Cu, phường 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, theo giấy ủy quyền lập ngày 07/3/2017. (ông Anh có mặt).

3.2. Bà Hồ Thị Bích Hạnh. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bưng Riềng, huyện X12, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.3. Ông Trần Danh Hòa, sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 318 đường 27/4, khu phố Láng Sim, thị trấn Phước Bửu, huyện X12, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.4. Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên B11

Địa chỉ: Ấp 1, xã Bưng Riềng, huyện X12, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Khanh, chức vụ: Giám đốc.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Minh Đăng, theo giấy ủy quyền lập

ngày 10/10/2017 (ông Đăng có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2017 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/02/2017 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào ngày 30/01/2008 ông Nguyễn Công Th1 có ký hợp Đ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay với ông Lê Hữu Đ1, theo đó ông Đ1 sẽ chuyển nhượng cho ông Th1 một lô đất có diện tích 9,5ha tọa lạc tại xã Bình Châu, giá 142.000.000đ, ông Th1 đã giao đủ tiền cho ông Đ1, khi chuyển nhượng các bên có làm "Hợp Đ1 sang nhượng đất" đề ngày 30/01/2008 có vợ chồng ông Th1 và bà L1, vợ chồng ông Đ1 và bà Hạnh ký tên xác nhận vào giấy và ông Đ1 cam kết "thời gian từ ngày làm giấy này về sau nếu có tranh chấp thì ông Đ1 có trách nhiệm giải quyết". Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình ông Th1 phát quang, cải tạo đất để canh tác và đến năm 2011 khi chuẩn bị gieo trồng hoa màu thì có người đến ngăn cản nên không canh tác được.

Về nguồn gốc lô đất mà ông Đ1 chuyển nhượng cho ông Th1 là của Nhà nước giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu quản lý, vào ngày 25 tháng 6 năm 1997 Khu bảo tồn thiên nhiên B11 có làm hợp Đ1 giao khoán số 66 với ông Hoàng Bá Chiêm, theo Hợp Đ1 giao khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng đối với khu phục hồi sinh thái thuộc khu rừng đặc dụng B11. Khi chuyển nhượng thì ông Đ1 có giao cho ông Th1 bộ hợp Đ1 này.

Sau khi chuyển nhượng do ông Th1 không canh tác được đất nên đã đề nghị ông Đ1 hoàn trả lại số tiền 142.000.000đ, tại các buổi hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Bưng Riềng tổ chức, ông Đ1 cũng Đ1 ý trả lại nhưng ông Đ1 không thực hiện. Nay ông Th1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp Đ1 sang nhượng đề ngày 30/01/2008 giữa vợ chồng ông Lê Hữu Đ1 với vợ chồng ông Nguyễn Công Th1 là vô hiệu và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Hữu Đ1 và bà Hồ Thị Bích Hạnh phải cho cho vợ chồng ông Th1 số tiền 142.000.000đ. Về đất nhận chuyển nhượng của ông Đ1 trước đây ông Th1 có có phát quang, dọn cỏ nhưng từ năm 2010 đến nay ông Th1 chưa sử dụng ngày nào và hiện nay đang do Khu bảo tồn thiên nhiên B11 quản lý.

Tại biên bản làm việc ngày 27/9/2017 và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lê Hữu Đ1 trình bày như sau:

Ông Đ1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp Đ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể, vào ngày 30/01/2008 ông Đ1 và bà Hạnh có ký hợp Đ1 sang nhượng đất cho ông Th1 và bà L1 diện tích 9,5ha với số tiền 142.000.000đ và đã nhận đủ số tiền này. Khi giao đất với ông Th1 và bà L1 thì ông Đ1 có đưa cho ông Th1 bộ hợp Đ1 giao khoán số 66 ngày 25 tháng 6 năm 1997 được ký kết giữa Khu bảo tồn thiên nhiên B11 với ông Hoàng Bá Chiêm với nội dung Khu bảo tồn khoán lại cho ông Chiêm diện tích 9,5ha thuộc lô 5, lô I , khoảnh 2, khoảnh 6, tiểu khu 47 (Sau đây gọi tắt là hợp Đ1 số 66) là đất Nhà nước giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu quản lý và sau này ông Trần Danh Hòa giữ bộ hợp Đ1 số 66 này.

Sau khi bán cho ông Th1 được số tiền 142.000.000đ thì ông Đ1 đưa hết cho ông Hoà việc ông Đ1 đưa cho ông Hoà thì không ai biết và không có chứng cứ gì. Khi thực hiện thoả thuận với ông Th1 ông Đ1 có giao cho ông Th1 bộ hợp Đ1 số 66 giữa Khu bảo tồn với ông Chiêm, việc thoả thuận giữa ông Hoà với bản thân ông Đ1 cũng như việc chuyển nhượng giữa ông Đ1 với ông Th1 thì ông Chiêm không biết.

Nay xét thấy việc mua bán chuyển nhượng đất giữa các bên là trái pháp luật nên ông Đ1 Đ1 ý cùng vợ trả lại cho ông Th1 và bà L1 số tiền 142.000.000đ.

Theo ông Đ1 được biết thì ông Th1 không còn canh tác diện tích đất nhận khoán từ hợp Đ1 sang nhượng đất ngày 30/01/2008 mà các hộ dân khác đã sử dụng. Việc chuyển nhượng này chủ yếu là giữa ông Đ1 và ông Th1 còn bà L1 và bà Hạnh có ký vào hợp Đ1 nhưng không rõ việc chuyển nhượng giữa ông Đ1 và ông Th1.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Th1 và không bổ sung gì thêm.

Bà Hồ Thị Bích Hạnh mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp L1 nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Danh Hòa trình bày như sau: Lý do ông Hòa có hợp Đ1 số 66 giữa Khu bảo tồn và ông Hoàng Bá Chiêm là vào năm 2006, 2007 ông Hòa có nhận khoán lại của ông Chiêm, sau khi nhận khoán ông Hòa cưa tràm trên đất và sau đó khoán lại cho anh Lê Hữu Đ1, khi khoán lại cho anh Đ1 thì anh Đ1 đưa lại cho ông Hòa số tiền khoảng 100.000.000đ, ông Hòa không nhớ cụ thể số tiền và thời điểm giao vào khoảng năm 2006-2007, khi giao khoán giữa ông Hòa và ông Đ1 không làm giấy tờ gì, nay anh Th1 và anh Đ1 tranh chấp thì ông Hòa không có ý kiến gì.

Đại diện theo ủy quyền của khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu trình bày:

Vào năm 1997 Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu có ký hợp Đ1 khoán bảo vệ rừng với ông Hoàng Bá Chiêm số 66 ngày 25/6/1997 trong đó có đề cập đến diện tích 14 ha thuộc lô 5, lô I , khoảnh 2, khoảnh 6, tiểu khu 47 về quyền và nghĩa vụ của các bên được thể hiện trong Điều 2 và Điều 3 của hợp Đ1. Đến ngày 13/5/2010 thì Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên B11 và ông Hoàng Bá Chiêm đã ký kết hủy bỏ hợp Đ1 số 66 ngày 25/6/1997 trong đó có nội dung "Kể từ ngày 13/5/2010 thì hợp Đ1 số 66 ngày 25/6/1997 không còn giá trị pháp lý toàn bộ diện tích 14 ha đất lâm nghiệp do Ban quản lý khu bảo tồn trực tiếp quản lý", như vậy việc ký kết hợp Đ1 chuyển nhượng thành quả lao động liên quan đến 14 ha thuộc lô 5, lô I , khoảnh 2, khoảnh 6, tiểu khu 24 (tiểu khu 47 cũ) đất lâm nghiệp của ông Chiêm sau ngày 13/5/2010 thì không có giá trị pháp lý, nếu có việc ông Chiêm khoán lại kể từ ngày 25/6/1997 đến ngày 13/5/2010 thì phải được sự Đ1 ý của Khu bảo tồn. Tuy nhiên từ ngày 25/6/1997 đến ngày 13/5/2010 Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu không nhận được bất cứ thông tin nào từ ông Chiêm về việc chuyển nhượng thành quả lao động. Khu bảo tồn không ký kết bất cứ hợp Đ1 nhận khoán nào với ông Nguyễn Công Th1 hay ông Lê Hữu Đ1, việc tranh chấp phát sinh giữa hai bên không liên quan đến Khu bảo tồn. Hiện nay 14 ha thuộc lô 5, lô I , khoảnh 2, khoảnh 6, tiểu khu 24 (tiểu khu 47 cũ) do Ban quản lý khu bảo tồn đang quản lý. Đối với việc tham gia tố tụng theo văn bản số 67 ngày 28/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện X12 thì Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu xin vắng mặt tất cả các quá trình tố tụng của Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X12 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ1 xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án để quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Toà án không ra quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử là có thiếu sót, vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thiếu sót này không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án nhưng đề nghị Toà án cũng cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên hợp Đ1 sang nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 30/01/2008 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp Đ1 vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ1 xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Tại phiên tòa, các đương sự là bà Hạnh, ông Hòa, ông Chiêm dù đã được Tòa án triệu tập hợp L1 hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt các đương sự bà Hạnh, ông Hòa, ông Chiêm là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công Th1 thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp Đ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện X12, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung yêu cầu tranh chấp của đương sự*:

Qua lời khai của nguyên đơn và đại diện nguyên đơn cũng như xác nhận của bị đơn thì vào ngày 30/01/2008 ông Nguyễn Công Th1 có ký hợp Đ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay với ông Lê Hữu Đ1, theo đó ông Đ1 sẽ chuyển nhượng cho ông Th1 một lô đất có diện tích 9,5ha tọa lạc tại xã Bình Châu, giá 142.000.000đ, ông Th1 đã giao đủ tiền cho ông Đ1, khi chuyển nhượng các bên có làm Hợp Đ1 sang nhượng đất ngày 30/01/2008 có ông Th1, bà L1, ông Đ1 và bà Hạnh ký tên xác nhận vào giấy này, Đ1 thời ông Đ1 có giao cho ông Th1 01 hợp Đ1 giao khoán số 66 giữa khu bảo tồn và ông Hoáng Bá Chiêm thì đây là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thực hiện hợp Đ1 đã phát sinh tranh chấp, khi ông Th1 vào đất canh tác đã bị các hộ dân khác ngăn cản và đến năm 2010 thì giữa khu bảo tồn và ông Hoàng Bá Chiêm đã thanh lý hợp Đ1, trong Biên bản thanh lý, hủy bỏ hợp Đ1 số 66/HĐK ngày 25/6/1997 nêu rõ "kể từ ngày 13/5/2010 bản hợp Đ1 số 66 không còn giá trị pháp lý, toàn bộ diện tích 14ha đất lâm nghiệp của hợp Đ1 này sẽ do Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu quản lý".

Xét hợp Đ1 sang nhượng đất ngày 30/01/2008 có ông Th1, bà L1, ông Đ1 và bà Hạnh cho thấy, nội dung của hợp Đ1 này các bên đã sang nhượng cho nhau "một lô đất lâm nghiệp lô V, I, khoản 2, 6 tiểu khu 47, diện tích 9,5ha với giá 142.000.000đ" bên mua đã giao đủ tiền cho bên bán, ngoài ra các bên còn cam kết về việc giải quyết tranh chấp về sau. Về nguồn gốc đất lô đất lâm nghiệp lô V, I, khoảnh 2, 6 tiểu khu

47 qua điều tra xác minh cho thấy phần đất này thuộc quyền quản lý của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên B11 hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình thực hiện chức năng của mình Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu có ký hợp Đ1 giao khoán số 66 đối với ông Hoáng Bá Chiêm, theo đó xác định quyền của người nhận khoán chỉ khi thời gian nhận khoán chưa kết thúc và vì lý do khách quan không thể nhận khoán nữa thì có thể chuyển quyền nhận khoán cho người khác, nhưng người nhận khoán cũng phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của hợp Đ1. Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập ông Chiêm để làm rõ lý do ông Hòa và ông Đ1 lại có hợp Đ1 số 66 để các bên chuyển nhượng cho nhau nhưng ông Chiêm vắng mặt. Qua các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được thì vào ngày 13/5/2010 giữa Ban quản lý Khu bảo tồn và ông Chiêm đã thanh lý hợp Đ1 66 và phần đất được giao khoán trong hợp Đ1 này thuộc quyền quản lý của Ban quản lý khu bảo tồn.

Về nguồn gốc lô đất mà ông Đ1 chuyển nhượng cho ông Th1 là của Nhà nước giao cho Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu quản lý này là Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu, vào ngày 25 tháng 6 năm 1997 Khu bảo tồn thiên nhiên B11 có làm hợp Đ1 giao khoán số 66 với ông Hoàng Bá Chiêm, theo Hợp Đ1 giao khoán bảo vệ rừng gây trồng rừng đối với khu phục hồi sinh thái thuộc khu rừng đặc dụng B11. Khi chuyển nhượng thì ông Đ1 có giao cho ông Th1 bộ hợp Đ1 này. Qua thẩm định tại chỗ cho thấy, các bên cũng không xác định đúng thực tế đất mà mình chuyển nhượng cho nhau.

Như vậy, ông Đ1 không phải là chủ sử dụng đất đối với lô V, I, khoản 2, 6 tiểu khu 47 nên không có quyền chuyển nhượng phần đất này theo quy định của pháp luật đất đai, do đó việc giữa vợ chồng ông Th1 và ông Đ1 sang nhượng cho nhau lô V, I, khoản 2, 6 tiểu khu 47, diện tích 9,5ha là trái pháp luật nên việc chuyển nhượng là vô hiệu theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự. Từ đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp Đ1 chuyển nhượng QSD đất, theo hợp Đ1 sang nhượng đất ngày 30/01/2008 có ông Th1, bà L1, ông Đ1 và bà Hạnh vô hiệu. Ông Th1 không yêu cầu phạt hợp Đ1 hay tính lãi suất đối với số tiền đã giao cho ông Đ1

Về giải quyết hậu quả của hợp Đ1 vô hiệu: Do việc chuyển nhượng của các bên là trái pháp luật nên cần phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cần buộc ông Đ1 phải hoàn trả cho ông Th1 số tiền 142.000.000đ; đối với diện tích đất các bên nêu trong hợp Đ1 sang nhượng thuộc quyền quản lý của Ban quản lý khu bảo tồn Bình Châu – Phước Bửu và hiện nay cơ quan này đã quản lý phần đất này và không có yêu cầu gì thêm.

Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định tại chỗ với số tiền 500.000đ.

[3] *Về án phí*: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cụ thể như sau: bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với khoản tiền mà nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận trên số tiền 142.000.000đ x 5% = 7.100.000đ (Bảy triệu một trăm nghìn Đ1).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 227, 228, 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 127, 128, 134, 137 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L1 phí Tòa án, Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đối với bị đơn Lê Hữu Đ1.

Tuyên bố hợp Đ1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp Đ1 sang nhượng đất ngày 30/01/2008 giữa ông Nguyễn Công Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 đối với ông Lê Hữu Đ1 và bà Hồ Thị Bích Hạnh vô hiệu.

Buộc ông Lê Hữu Đ1 và bà Hồ Thị Bích Hạnh phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Công Th1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L1 số tiền 142.000.000đ.

Chi phí thẩm định tại chỗ: Ông Đ1 phải nộp số tiền 500.000đ, do ông Th1 đã đóng tạm ứng nên ông Đ1 và bà L1 phải hoàn trả lại cho ông Th1 số tiền 500.000đ.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hữu Đ1 và bà Hồ Thị Bích Hạnh phải nộp số tiền 7.100.000đ án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Công Th1 số tiền 3.550.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002951 ngày 20/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X12.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, thời hạn 15 ngày được áp dụng đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI Đ1 XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI Đ1 XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện X12;
- THADS huyện X12;
- Lưu hồ sơ

NGỌ VĂN TỈNH